

Hoạt động sinh kế của dân tộc Cống từ 1980 đến nay

Nguyễn Thị Tám¹

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hongtam.ls89@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 3 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Tóm tắt: Kể từ sau khi bản *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* được công bố vào năm 1979, và tiếp đó là bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, các tộc người ở nước ta đã có nhiều cơ hội để phát triển kinh tế và hội nhập. Hòa vào xu thế đó, dân tộc Cống ở Việt Nam đã và đang có những chuyển đổi mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống.

Từ khóa: Sinh kế, biến đổi, dân tộc Cống, Điện Biên, Lai Châu.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: Since the publication of the *Nomenclature of Vietnamese ethnic groups* in 1979, and the *đổi mới*, or renovation, period afterwards, the groups in the country have had various opportunities for development and integration. In line with the trend, the Cong ethnic group in Vietnam has been performing a strong transformation in all spheres of life.

Keywords: Livelihood, change, Cong ethnic group, Dien Bien, Lai Chau.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Dân tộc Cống là một trong số 6 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến ở Việt Nam, với dân số 2.029 người [5], đứng thứ 49 trong tổng số 54 dân tộc ở nước ta. Đây là một trong số các dân tộc có dân số ít. Người Cống có tên tự gọi là Xá, Cống Bó Khăm, Xám Khổng, Măng Là... cư trú dọc

theo dòng chảy sông Đà. Tên gọi của dân tộc Cống còn được gắn với tên địa phương nơi họ sinh sống, như: Cống Tác Ngà, Cống Sát Đánh, Cống Bó Khăm, Cống Nặm Kè - Pù Xung. 98% người Cống sinh sống ở khu vực Tây Bắc nước ta. Cụ thể, tỉnh Lai Châu có 1.134 người và tỉnh Điện Biên có 871 người [4]. Trước những năm 1980, chưa có nhiều công trình nghiên cứu

về dân tộc Cống. Do những khó khăn về điều kiện kinh tế, xã hội và vị trí địa lý nên những nghiên cứu đó chưa thực sự đi sâu vào đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội mà chỉ dừng lại ở mục tiêu khái quát cơ bản về tộc người này. Sau những năm 1980, các nghiên cứu về dân tộc Cống của các nhà dân tộc học trong nước mới bắt đầu phát triển. Trong những nghiên cứu thiên về mảng văn hóa truyền thống của tộc người Cống đã xuất hiện những ấn phẩm chuyên sâu hơn, mang tính bao quát hầu hết các lĩnh vực trong đời sống của tộc người này. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước đổi mới, việc nghiên cứu toàn diện những biến đổi trong đời sống kinh tế - xã hội của người Cống vẫn là khoảng trống cần bổ sung. Bài viết trình bày những biến đổi cơ bản trong hoạt động sinh kế của người Cống từ năm 1980 đến nay. Những thay đổi trong kinh tế nông nghiệp, nghề thủ công, trao đổi buôn bán, khai thác sản vật tự nhiên... đã góp phần tạo nên một nền kinh tế đa dạng của tộc người Cống sau một chặng đường hơn 30 năm.

2. Hoạt động trồng trọt

Trong các hoạt động kinh tế truyền thống của người Cống, trồng trọt nương rẫy đóng vai trò chính yếu. Sản phẩm từ nương rẫy là nguồn sống chính và chi phối toàn bộ đời sống của đồng bào Cống về kinh tế, xã hội và văn hóa. Sự tồn tại của kinh tế nương rẫy là nguyên nhân chính quy định tính chất tự cung, tự cấp của nền kinh tế truyền thống ở dân tộc Cống. Mỗi mảnh nương của đồng bào trồng tối đa được 2 vụ lúa hoặc 2 vụ ngô, 1 vụ sắn. Tùy vào từng mảnh đất nương, đồng bào có thể trồng xen 1 vụ lúa,

1 vụ ngô. Cũng như một số dân tộc khác làm nương rẫy, hệ thống cây trồng trên nương của người Cống khá phong phú, bao gồm các loại cây lương thực (lúa, ngô, sắn), rau, bầu bí, các loại cây gia vị...

Ở vùng người Cống, diện tích ruộng nước không nhiều, chủ yếu là do một số hộ tự khai hoang phần đất men theo các khe núi hẹp và dốc. Trước năm 1980, ruộng nước của đồng bào chỉ làm được 1 vụ vào mùa mưa. Do chưa tạo được hệ thống thủy lợi đảm bảo việc tưới tiêu nên vào mùa khô, người dân thường bỏ đất hoang. Từ tháng Tư (âm lịch), sau khi công đoạn gieo hạt trên nương được tiến hành xong và những cơn mưa đầu mùa đến là lúc người ta cày, bừa ruộng. Để giữ nước trong ruộng, người Cống dùng cuốc, xẻng để đắp bờ. Những loại công cụ này, đồng bào đều mua của người Thái hoặc tự làm ra dựa trên mẫu cày, bừa có sẵn của người Thái ở trong vùng. Giống lúa trồng trên diện tích ruộng nước phần đa là lúa tẻ, nhưng do đồng bào có tập quán ăn nếp hàng ngày nên số lúa ruộng thu hoạch được thường để trao đổi lấy công cụ lao động, thực phẩm của một số dân tộc khác.

Do xuất thân từ những cư dân làm nương rẫy nên khi làm ruộng người Cống có phần lúng túng, nhất là trong khâu lựa chọn giống phù hợp và chăm sóc cây trồng. Trải qua thời gian, họ tích lũy kinh nghiệm từ việc học hỏi cách làm ruộng nước của các tộc người lân cận như người Thái, người Lào... Dần dần kỹ thuật canh tác lúa ruộng của người Cống đã được nâng lên đáng kể (như dùng phân bón, cải tiến công cụ, làm hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu...), từ đó năng suất lúa ruộng được cải thiện, nhiều hộ gia đình khai hoang thêm diện tích để cày cấy.

So với trước năm 1980, lĩnh vực trồng trọt ở những bản của người Cống đã có khá nhiều chuyển biến về diện tích gieo trồng, giống cây trồng, kỹ thuật canh tác và năng suất. Về diện tích gieo trồng: từ những mảnh ruộng nước đầu tiên, đến nay cả bản người Cống ở xã Pa Thơm đã có 2 ha đất ruộng cấy 2 vụ của 20/48 hộ. Có được số ruộng đó là do quá trình khai phá thêm của những cư dân nông nghiệp người Cống và sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc hướng dẫn đồng bào những kỹ thuật canh tác lúa ruộng.

Trong quá trình chuyển đổi, một số dân tộc đã loại bỏ các giống cây trồng cũ và thay thế bằng những loại giống mới. Tuy nhiên, người Cống vẫn giữ lại một số giống lúa địa phương bên cạnh việc du nhập các loại giống mới, nhất là lúa, ngô. Sự khác biệt này là do hiện nay người Cống vẫn còn duy trì hình thức canh tác nương rẫy, diện tích ruộng nước hạn chế nên đa phần các giống lúa nương đều là giống lúa truyền thống như Cọ noọng mải, Khẩu tám thai... Những loại nếp này đã trở thành thương hiệu nếp nổi tiếng được thị trường ưa chuộng. Bên cạnh đó, đồng bào còn du nhập một số giống nếp nương của các dân tộc khác về trồng trên diện tích nương của mình như Khẩu mang a (giống nếp của Lào), Khẩu ping (giống nếp của Thái Lan), Khẩu nhía (giống nếp của người Mông)... Riêng giống lúa trồng ở ruộng nước hầu hết là giống lúa tẻ mà người Cống trao đổi với các dân tộc khác trong vùng. Các loại ngô, sắn, bên cạnh giống truyền thống, người dân còn trồng những giống ngô mới do Nhà nước hỗ trợ như Việt Nam 10, B60 hay giống sắn cao sản du nhập từ nơi khác về.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau nên, trong nhiều năm, các mảnh nương bị khai

thác liên tục làm cho cây cối tự nhiên trên nương không kịp mọc lại. Độ màu của đất chưa kịp khôi phục, đất khô cứng làm cho phương thức chọc lỗ tra hạt không còn hiệu quả. Người Cống sau khi đốt, dọn nương phải dùng cuốc để làm nương, sau đó mới dùng gậy chọc lỗ gieo hạt giống. Phương thức canh tác này mặc dù làm cho đất tơi xốp nhưng lại làm cho lớp đất màu mỡ bề mặt dễ bị rửa trôi, xói mòn khi gặp mưa lớn. Chỉ sau vài vụ canh tác, người dân phải để hoang hóa chừng 2 - 3 năm mới có thể quay lại làm tiếp. Mặt khác, diện tích đất nương để canh tác càng ngày càng bị thu hẹp lại do từ năm 1995, việc nghiêm cấm đốt rừng làm nương của Nhà nước được thực thi đã tác động không nhỏ đến cộng đồng các dân tộc thiểu số sống chủ yếu bằng phương thức canh tác nương rẫy, trong đó có người Cống. Việc cấm phá rừng đã tạo ra một xu thế chuyển hướng sản xuất nông nghiệp từ chủ yếu làm nương rẫy sang vừa làm nương, vừa kết hợp canh tác ruộng nước. Người Cống bắt đầu chú trọng đến kỹ thuật chăm sóc lúa để đạt năng suất cao hơn.

Về công cụ sản xuất, nếu như trước đây, trong công đoạn thu hoạch, người ta hay dùng tay để tuốt lúa, thì nay những chiếc liềm sắc bén giúp người dân thu hoạch nhanh hơn, đỡ vất vả hơn. Riêng với lúa ruộng, do địa hình bằng phẳng nên bên cạnh những phương thức canh tác truyền thống, người Cống đã áp dụng thêm những thành tựu khoa học kỹ thuật như đưa máy phay, máy bừa vào sản xuất để rút ngắn thời gian làm việc và tăng năng suất cây trồng.

Người Cống hiện nay vẫn duy trì làm nương rẫy, một số phương thức canh tác cũ hầu như vẫn được người dân kế thừa có chọn lọc và cải tiến. Chẳng hạn, trước đây

khi làm nương đồng bào không sử dụng phân bón. Nay, một phần do đất đai đã thoái hóa, phần khác do nhận thấy lợi ích của việc này nên người Cống đã biết bón phân cho cây trồng vừa nhằm cải tạo đất, vừa mang lại năng suất cao. Họ không chỉ tận dụng phân hữu cơ từ việc chăn nuôi gia súc và trồng trọt mà còn mua thêm các loại phân hóa học như đạm, lân, kali... Người Cống còn học hỏi kỹ thuật vạ bờ để giữ nước trong ruộng của người Lào ở bên kia biên giới. Các công đoạn làm nương hầu như vẫn được người Cống giữ nguyên nhưng thời gian của mỗi bước được rút ngắn lại.

Khi thu hoạch lúa, chiếc máy vò tại ruộng đã thay thế cho việc dùng tay đập lúa tách lấy hạt thóc như trước kia. Cả bản Púng Bon (xã Pa Thơm, huyện Điện Biên) có 3 chiếc máy vò lúa do các gia đình tự đầu tư, mỗi chiếc máy mới trị giá 20 - 25 triệu đồng. Đến mùa gặt, các máy vò hoạt động liên tục trên đồng ruộng để đáp ứng nhu cầu của các hộ gia đình trong bản. Mỗi mảnh ruộng người ta phải trả cho chủ máy vò từ 5 - 10 kg lúa tươi tùy vào diện tích thửa ruộng đó lớn hay nhỏ. Sau khi vò xong, rơm được phơi và đốt thành tro tại ruộng, thóc được đóng vào các bao tải rồi chuyển chở về bằng xe máy chứ không phải dùng gùi (xình khá) mang về như trước đây.

Hiện nay Nhà nước hỗ trợ những giống ngô và sắn mới, cho năng suất cao, chống được sâu bệnh. Tuy nhiên, người dân chỉ trồng giống ngô một thời gian rồi lại trở về giống ngô truyền thống, bởi giống ngô mới theo đồng bào là rất khó bảo quản, dễ bị mốc. Đối với sắn, giống cao sản mới tuy cho nhiều củ hơn giống sắn cũ nhưng chỉ dùng để chăn nuôi. Vì thế, để ăn vào vụ giáp hạt, người dân thường trồng thêm các giống sắn cũ mà đồng bào hay gọi là sắn nếp.

Các loại cây thực phẩm ngày nay được trồng nhiều hơn ở trên nương và trồng cả ở diện tích vườn nhà, do nhu cầu sử dụng rau xanh của người dân ngày càng tăng lên, các loại rau từ rừng hiện nay khan hiếm, phải đi xa mới lấy được. Ngoài ra, người Cống còn trồng thêm một số loại cây ăn quả ở vườn nhà như ổi, xoài, đu đủ, me...

Ở vùng tái định cư thủy điện Lai Châu, sau khi di chuyển đến nơi ở mới, người Cống rơi vào cảnh thiếu đất làm nương do chưa được quy hoạch. Bởi vậy, tập quán canh tác nương rẫy của đồng bào Cống qua bao thế hệ tích lũy kinh nghiệm, sau tái định cư không còn được thực hành phổ biến nữa. Mặt khác, quá trình tái định cư thủy điện Lai Châu, tuy chỉ lấy đi phần nào đất rẫy nhưng đã triệt tiêu hoàn toàn đất lúa nước được phân bố dưới các vùng trũng khe, suối. Trước khi có dự án xây dựng thủy điện, các bản Pô Lếch, Nậm Khao của xã Nậm Khao đều có ruộng nước. Thời điểm này, nước ngập, các ruộng lúa đã bị lấp dưới lòng hồ cùng với làng cũ. Điều này đưa đến sự thay đổi cơ bản và rõ ràng là chấm dứt hình thức canh tác ruộng nước của người Cống ở bản cũ. Một vài hộ dân tìm được mảnh đất trũng, gần khe suối khác để canh tác, nhưng diện tích rất hạn chế, chất lượng kém. Ở khu tái định cư, chính quyền có dự kiến khai phá đất ruộng để chia cho đồng bào, nhưng do diện tích quá ít ỏi và thiếu các công trình thủy lợi nên người dân vẫn chưa gieo trồng được. Diện tích nương suy giảm, ruộng nước ở bản cũ không còn, điều đó buộc người dân tái định cư phải thay đổi trong các hoạt động kinh tế của họ. Tại nơi ở cũ, lúa được coi là cây trồng chủ đạo của người Cống bên cạnh các loại cây phụ trợ như ngô, sắn. Tuy nhiên cuộc sống nơi bản tái định cư đã mang lại

sự hoang mang cho người dân. Do thiếu đất sản xuất nên tạm thời họ chưa gieo trồng được. Dù được hỗ trợ gạo, tiền trong ba năm đầu tái định cư nhưng vấn đề thiếu lương thực là không tránh khỏi đối với nhiều hộ người Cống.

3. Hoạt động chăn nuôi

Trong lĩnh vực chăn nuôi truyền thống của người Cống, đàn gia súc, gia cầm ít có cơ hội phát triển. Nguyên nhân là do trước đây thú rừng có nhiều, hoạt động săn bắn diễn ra phổ biến và dễ dàng, người dân không mấy để tâm đến việc gây dựng đàn vật nuôi. Nếu như trước kia, chăn nuôi của người Cống không có nhiều cơ hội phát triển thì hiện nay cùng với sự phát triển của xã hội, công tác khuyến nông ở vùng đồng bào cư trú đã tác động và góp phần làm chăn nuôi của người Cống có sự thay đổi phần nào. Cụ thể là, họ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi nên năng suất tăng cao hơn trước rất nhiều. Bên cạnh đó, người Cống còn chú ý đến hệ thống chuồng trại, không thả rông hoàn toàn gia súc, gia cầm như trước đây, do đó việc quản lý đàn vật nuôi của gia đình cũng dễ dàng hơn.

Chăn nuôi trâu, bò được phổ biến rộng rãi. Đây là những vật nuôi đóng vai trò đặc biệt trong sản xuất và đời sống người Cống. Những năm gần đây, Nhà nước hỗ trợ vật nuôi cho các hộ nghèo trong bản, chủ yếu là hỗ trợ bằng trâu, bò. Tuy nhiên, nuôi được một thời gian, hầu hết số vật nuôi này bị dịch bệnh, gây yếu dần. Người dân muốn Nhà nước cung cấp giống vật nuôi phù hợp với thời tiết ở địa phương để vật nuôi có thể sống và phát triển được

hoặc tốt thay vì hỗ trợ tiền mặt để người dân tự tìm giống thích hợp.

Đối với việc nuôi lợn, họ nuôi cả giống lợn địa phương và giống lai. Giống địa phương có đặc điểm chậm lớn, ít nạc nhưng chất lượng thịt rất thơm và ngon. Giống lợn lai được người Cống nuôi vài năm trở lại đây, có nhiều ưu thế hơn giống lợn địa phương như nhanh lớn, thịt nạc, song không thơm ngon. Hiện nay, đồng bào vẫn thích nuôi giống lợn địa phương vì chất lượng thịt tốt hơn so với lợn lai siêu nạc. Một số gia đình mặc dù có nuôi giống lợn lai để bán, song họ vẫn nuôi thêm 1 - 2 con lợn giống địa phương để làm thịt trong các dịp cúng lễ, tết. Vài năm gần đây, một số gia đình nhập giống vịt lai về nuôi, song dịch bệnh nhiều nên hiệu quả mang lại chưa cao.

Hầu hết các gia đình người Cống đào ao nuôi cá ở gần nhà với các loại cá trắm, cá trôi, cá chép, cá rô phi. Trước đây, vì đồng bào cấy giống lúa bao thai dài ngày, ruộng lúc nào cũng chứa nhiều nước nên họ có thể nuôi được cá trong ruộng. Ngày nay, do áp dụng các loại giống lúa mới ngắn ngày xuống đồng ruộng nên không nuôi được cá. Đồng bào chuyển sang nuôi cá ao nhiều hơn.

Trên thực tế, chăn nuôi vẫn còn mang tính chất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán trong các hộ gia đình. Đồng bào do chưa chú ý phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, cũng như giữ gìn vệ sinh môi trường nên dễ bị thiệt hại nặng khi xảy ra dịch bệnh. Chẳng hạn, năm 2011 do dịch cúm gà, dịch lợn tai xanh bùng phát, các hộ chưa chủ động được cách phòng tránh, nên gà, lợn chết hàng loạt, số lượng vật nuôi giảm sút nhiều so với những năm trước. Từ đó

đến nay nhiều hộ có tâm lý sợ rủi ro mà không dám đầu tư nuôi nhiều.

Vật nuôi trong gia đình người Cống được sử dụng làm thực phẩm trong các dịp quan trọng hoặc phục vụ nhu cầu tín ngưỡng. Đối với những sản phẩm chăn nuôi có giá trị cao (trâu, bò), chỉ khi nào cần khoản tiền lớn cho những công việc hệ trọng thì người Cống mới bán.

Nhìn chung, ngoài việc duy trì một số yếu tố truyền thống như nuôi con giống, tự túc lương thực..., người dân đã tiếp thu nhiều cái mới. Biểu hiện rõ nét là chuyển đổi canh tác, sử dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nuôi cá ao. Những biến đổi này xuất phát từ sự thay đổi căn bản về quan niệm, nhận thức của đồng bào, đặc biệt là đổi mới tư duy sản xuất. Điều này minh chứng cho công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng đã có những tác động tích cực đến tập quán hoạt động sinh kế của người Cống. Những yếu tố này sẽ là nền tảng quan trọng tạo đà cho họ phát triển về mọi mặt trong cuộc sống của đồng bào.

Ở vùng tái định cư thủy điện Lai Châu, chăn nuôi của người Cống trước đây vốn không phát triển, hiện nay lại càng bị hạn chế. Ở hầu hết các khu được chọn để tái định cư không có vùng chăn thả, buộc một số hộ phải bán gia súc; khu cư trú chật hẹp nên gà, vịt, lợn không thể thả rông theo tập quán cũ, buộc phải nuôi nhốt trong chuồng trại nhỏ bên cạnh và dưới nhà ở.

4. Hoạt động khai thác các sản vật tự nhiên

Sinh sống ở vùng rừng núi, dọc theo dòng chảy của sông Đà, hoạt động săn bắn, hái lượm và đánh bắt thủy sản đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống kinh tế tự cung tự

cấp của người Cống. Hoạt động này diễn ra quanh năm. Sự phân công lao động trong hoạt động này tương đối rõ ràng: nam săn bắn, đánh bắt thủy sản; nữ tham gia vào công việc hái lượm.

Với truyền thống cư trú gần rừng, người Cống trước đây có rất nhiều kinh nghiệm trong khai thác nguồn lợi tự nhiên phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Nếu như, việc vào rừng hái lượm các sản vật tự nhiên diễn ra thường xuyên và dễ dàng ở bản cũ, thì nay hoạt động này đã có sự thay đổi lớn trong điều kiện tự nhiên và phương thức khai thác. Bên cạnh sự quản lý của chính quyền, cùng với việc nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng của cư dân, hoạt động săn bắn, hái lượm trong rừng đã giảm đáng kể.

Trước đây, các sản phẩm phi gỗ được người dân sử dụng trong cuộc sống hàng ngày, tùy vào nhu cầu của đồng bào. Hiện nay, do nhu cầu chi tiêu cho cuộc sống ngày càng nhiều, nhất là vào lúc giáp hạt, tình trạng thiếu ăn ngày một gia tăng, nên các hộ gia đình phải đi thu hái các sản phẩm tự nhiên để bán cho các đại lý thu mua nhằm tạo nguồn thu, nhờ đó mà các sản vật từ rừng đã trở thành hàng hóa.

Thực tế cho thấy, hoạt động hái lượm hiện nay vẫn mang lại nguồn thu đáng kể cho các hộ gia đình người Cống. Các hộ khác trong thôn cũng gắn chặt với rừng bằng những hoạt động khai thác các sản phẩm phi gỗ (trong phạm vi luật cho phép) để kiếm thêm thu nhập vào những lúc nông nhàn, đôi kém. Sản phẩm thu hái tương đối phong phú, rau, củ, quả chủ yếu phục vụ cho bữa ăn hằng ngày. Riêng giảo cổ lam, chuối, dứa được người dân mang ra chợ bán. Trước đây, người Cống lên rừng đào các loại củ về ăn vào những thời điểm giáp hạt, củ có thể độn với cơm hoặc khi đói

kém thì được sử dụng thay cơm. Hiện nay, do các loại củ này không còn nhiều và phải đi xa mới đào được nên hầu như không còn ai đi đào củ về ăn nữa. Không chỉ kiếm các nguồn thức ăn trên rừng, người Cống còn đi lấy cây thuốc nam về chữa bệnh. Họ đi tìm cây thuốc tùy theo nhu cầu của cá nhân, gia đình hay người trong làng bản. Hiện nay, trong thôn chỉ có 1 - 2 người biết lấy cây thuốc, họ là những thầy cúng, lấy thuốc nam chữa bệnh cho người dân trong bản. Hoạt động này không đem lại thu nhập cho họ vì đa số thầy lang chỉ lấy giúp chứ không lấy tiền của người bệnh.

Mấy năm gần đây, nhiều thương lái người Kinh, người Thái từ dưới xuôi đến bản người Cống thu mua các sản phẩm thu hái từ rừng. Điều đó làm tăng tần suất đi rừng của người dân lên gấp nhiều lần. Chẳng hạn, trước đây người dân vào rừng để làm nương, thu hoạch, khơi thông nguồn nước theo chu kỳ lịch mùa vụ hoặc thi thoảng mới vào rừng tìm kiếm nguồn thức ăn. Tuy nhiên, hiện nay, họ đi trong ngày, thậm chí đối với những người có sức khỏe thì có thể đi 2 lần/ngày (có kèm theo lương thực dự trữ). Sản phẩm thu hái chủ yếu là măng, bông chít. Hầu như ở tất cả các lứa tuổi đều có thể tham gia hái lượm, song người già, trẻ con và phụ nữ do hạn chế về sức khỏe nên chỉ đi lấy ở những khu rừng thấp, tần suất 2 - 3 lần/tuần. Thanh niên, đàn ông trung tuổi thì ngày nào cũng lên rừng, do họ đi đến những khu rừng xa có nhiều măng ngon và bông chít to, đẹp nên sản phẩm thu hái được của họ bao giờ cũng đem lại thu nhập cao hơn. Người dân cho biết, mùa măng từ tháng năm đến tháng mười, còn mùa đi lấy bông chít kéo dài từ tháng mười đến tháng mười một. Giá thu mua tùy theo từng loại măng và từng thời

điểm. Hiện nay giá măng nứa: 5.500 đồng/kg, măng hóp: 4.000 đồng/kg. Một ngày, người dân lấy được một gùi = 25 kg măng tươi, sau đó đem luộc và mang cân cho các đại lý thu mua ở ngay trong địa bàn thôn. Thu nhập từ việc lấy măng trung bình một người đạt 800.000 - 1.000.000 đồng/tháng. Nếu gia đình nào có hai đến ba người đủ sức khỏe lao động thì thu nhập cũng được cải thiện đáng kể [4].

Giống như các dân tộc thiểu số khác, sau 30 năm đổi mới, cộng đồng người Cống đã có những biến đổi rõ rệt về mọi mặt so với thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp, đặc biệt là so với thời kỳ họ sống bằng phương thức du canh du cư. Các biến đổi trong hoạt động sinh kế của người Cống đã trở nên sâu rộng khắp các lĩnh vực, kể cả biến đổi về ý thức sản xuất.

Lịch mùa vụ của đồng bào hiện nay có sự thay đổi so với trước đây, các hoạt động sinh kế cũng biến đổi.

Khá rõ nét theo hai thời điểm truyền thống và hiện tại. Các công việc được tiến hành theo chu trình cụ thể và thích ứng với điều kiện tự nhiên nơi đồng bào cư trú. Nếu như trước kia, hoạt động nông nghiệp gắn với nương rẫy là chủ yếu và phân bổ dày đặc trong lịch mùa vụ, thì nay việc tạo ra thu nhập được phân bổ đều từ làm nương, cấy lúa ruộng đến khai thác các sản vật tự nhiên. Sự biến đổi này là do nhiều yếu tố tác động, trước hết là sự thay đổi về chính sách định canh, định cư của Nhà nước, luật bảo vệ rừng đã hạn chế người dân đốt nương làm rẫy (phương thức canh tác chủ yếu trong truyền thống của người Cống). Hơn nữa, do làm tốt công tác thủy lợi nên những hộ người Cống có đất ruộng đã làm 2 vụ lúa/năm. Tuy nhiên, hiện nay do nhu cầu về tiêu dùng và các hoạt động khác

ngày càng cao nên người dân ngoài làm nông nghiệp còn gia tăng các phương thức mưu sinh khác, nhất là khi các sản vật phi gỗ từ rừng mang lại thu nhập cho cuộc sống của họ trong lúc nông nhàn.

Ở vùng tái định cư thủy điện Lai Châu, một trong những thay đổi lớn nhất của hầu hết tất cả các hộ dân khi chuyển lên bản tái định cư là việc mất đi diện tích mặt nước để khai thác thủy sản. Trước kia bản của người Cống gần suối Nậm Khao và giáp sông Đà, khi cần, người dân có thể ra sông, suối bắt cá về ăn, nhưng nay họ chuyển lên ở vị trí cao hơn, muốn có cá ăn họ phải quay lại suối ở bản cũ, nhưng suối cũ đã ngập cao và khó đánh bắt hơn.

5. Hoạt động nghề thủ công

Ở vùng người Cống sinh sống, một số nghề thủ công vẫn được duy trì như nghề nấu rượu, nghề đan lát. Sau năm 1975, nhờ có chính sách của Nhà nước về phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp nên một số nghề của người Cống được khôi phục ở quy mô hộ gia đình, nhất là nghề đan lát.

Người Cống ở Điện Biên tuy không biết dệt vải nhưng lại giỏi đan lát. Từ bao đời nay, đan lát là nghề thủ công có truyền thống lâu đời và rất đặc trưng của người Cống. Mặc dù không có sản phẩm đan chiếu mây nhuốm đờ nổi tiếng như người Cống ở Lai Châu, nhưng người Cống ở Điện Biên đã tạo ra được rất nhiều loại sản phẩm đan lát, từ đồ đựng, phương tiện vận chuyển, công cụ sản xuất, dụng cụ đánh bắt cá đến một số vật dụng để thực hành nghi lễ... Các sản phẩm đều được những người thợ ở đây làm rất công phu, được quần bằng mây rất độc đáo

thể hiện đặc trưng dân tộc tương đối rõ nét như gùi lúa, mâm, ghế, hòm đựng quần áo, hộp đựng xôi, hộp đựng kim chỉ...

Trước đây, người Cống thường khai thác các sản vật từ rừng để phát triển một số nghề thủ công phục vụ cuộc sống và tạo thêm thu nhập cho gia đình, trong đó nghề đan được đồng bào chú trọng phát triển. Tuy nhiên, nguồn lợi tự nhiên không sẵn có như trước để tiếp tục phát huy các nghề thủ công. Nghề đan nay còn ít xuất hiện trong cuộc sống của người Cống. Họ bị hạn chế khai thác các sản vật từ rừng nên thiếu nguyên liệu để duy trì nghề này. Mặt khác, trước đây do tự cung tự cấp nên trong làng ai cũng biết đan lát những vật dụng đơn giản, thông thường như gùi hay các vật dụng sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, hiện tại, trong cộng đồng người Cống, thường chỉ lớp người lớn tuổi mới có thể thực hiện tốt một quy trình đan với những sản phẩm có chất lượng cao. Thực trạng này do nhiều nguyên nhân (nhu cầu sử dụng các sản phẩm đan lát không cao, thanh niên người Cống không thích thú với nghề thủ công; xuất hiện tràn lan các đồ dùng bằng nhựa, bằng nhôm dễ mua và rẻ; nguyên liệu cho đan lát khó kiếm, người già phải bỏ nghề đan...) nên các sản phẩm đan truyền thống ngày một thưa thớt.

6. Hoạt động trao đổi buôn bán

Ở Điện Biên, người Cống cư trú cách trung tâm huyện Điện Biên gần 30km, trong xã không có chợ, vì thế các hoạt động trao đổi hàng hóa đều diễn ra trong phạm vi thôn bản. Các mặt hàng nông sản như lúa, ngô, sắn và sản vật rừng được trao đổi ngay tại

các đại lý thu mua của địa phương. Tiền mặt thu được với khoản tiền lớn từ bán sản, ngô, lúa hoặc vật nuôi được họ tích trữ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong gia đình, đầu tư sản xuất hoặc chi trả cho việc lớn. Ngoài ra, họ còn dùng một số nông sản, vật nuôi để trao đổi với người trong cộng đồng khi thiếu đói. Theo cách này, họ cho nhau vay thóc gạo, vật nuôi nếu gia đình có việc lớn, rồi sau này người nợ sẽ hoàn lại dưới dạng vay thứ gì trả thứ ấy. Do vậy, người Cống vẫn duy trì hình thức vật đổi vật khi họ giao dịch với người trong cộng đồng.

Sự hỗ trợ của Nhà nước về xây dựng hệ thống đường giao thông dẫn vào bản đã tạo điều kiện cho việc vận chuyển trao đổi hàng hóa từ các nơi khác vào vùng người Cống diễn ra thuận lợi. Do nằm ở vùng sâu nên hoạt động trao đổi buôn bán của bản không mấy sôi động. Hiện nay, ở trong bản đã có một số hộ gia đình mở cửa hàng tạp hóa đáp ứng nhu cầu về thực phẩm cho bà con, song do quy mô nhỏ nên nhiều mặt hàng phục vụ sinh hoạt và sản xuất vẫn chưa đến được cuộc sống của người dân. Bây giờ phương tiện đi lại không bị hạn chế như trước, hầu như hộ nào cũng có xe máy nên việc mua bán đối với họ trở nên thuận tiện hơn. Đồng bào không phải mang các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi ra chợ bán như trước, thay vào đó, nhiều lái buôn người Thái, người Kinh ở ngoài thành phố vào tận bản thu mua lúa, gạo, vật nuôi. Giống nếp nương của người Cống rất được thị trường ưa chuộng nên khi mới mang thóc từ nương về nhà đã có lái buôn đặt trước. Năm 2014, giá nếp cẩm là 14 nghìn đồng/kg, nếp trắng 12 nghìn đồng/kg, trong khi đó, lúa nếp cấy ở ruộng chỉ bán được 5 - 6 nghìn đồng/kg, giá lúa tẻ cấy ở ruộng bán giá 7 nghìn đồng/kg [4].

Ở xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, ở hầu hết các khu tái định cư đều có các hộ buôn bán, kinh doanh các nhu yếu phẩm, hàng ăn uống, dịch vụ. Số hộ và lĩnh vực kinh doanh có xu hướng tăng, xuất hiện các hình thức mới như bán thẻ sim điện thoại, dịch vụ vui chơi giải trí, karaoke, sửa chữa xe máy, quán ăn/uống... Thực tế này hoàn toàn khác với khi chưa thực hiện di dân, giao thông đi lại khó khăn. Hiện tại trên địa bàn tái định cư chưa có chợ, tuy nhiên giao thông thuận tiện đã tạo điều kiện phát triển giao thương tự phát “chợ di động” bằng xe máy của người Kinh. Họ vận chuyển buôn bán các mặt hàng như cá, thịt, rau củ quả... Loại hình này đang chiếm ưu thế bởi sự tiện lợi của phương tiện buôn bán, sự quen biết giữa người bán với đồng bào người Cống ở bản tái định cư.

7. Kết luận

Dưới khía cạnh kinh tế, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là chính sách phát triển dân tộc Cống ở tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc nâng cao đời sống kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào Cống. Ngày nay, cuộc sống của người Cống tại địa bàn nghiên cứu đã có nhiều thay đổi đáng kể, nhiều hộ gia đình đã có tài sản có giá trị. Đa số người dân đã biết chữ, tiếp thu được kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi vì thế cho nên sản xuất đạt hiệu quả cao, đời sống từng bước được ổn định, một số phong tục tập quán lạc hậu trong sản xuất đã dần được loại bỏ. Kinh tế nương rẫy với trình độ tự nhiên đang dần thu hẹp lại. Người dân Cống đang chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu vật nuôi, cây trồng để cho

giá trị kinh tế cao hơn hoặc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện thâm canh trong đó quan trọng nhất là đưa giống mới vào sản xuất.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, cuộc sống của người Cống vẫn chưa thực sự bền vững. Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng và thế mạnh của người Cống. Từ năm 1980 đến nay các ngành nghề nông nghiệp được phát triển. Song do trình độ và kỹ thuật sản xuất hiện nay chưa cao lại thêm tác động của mặt trái kinh tế thị trường nên việc trồng trọt, chăn nuôi chưa đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Người Cống tại huyện Mường Tè nằm trong diện tái định cư vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu. Những chính sách đầu tư vào địa bàn này là rất lớn, điều đó kéo theo sự ảnh hưởng mạnh mẽ của thị trường hàng hóa từ dưới xuôi lên, làm cho hoạt động buôn bán, dịch vụ có phần năng động hơn. Trong khi, hoạt động này của người Cống ở huyện Điện Biên hầu hết chỉ đơn thuần mang tính trao đổi truyền thống, vẫn chưa có sự đa dạng hóa các hoạt động ngành nghề. Xét trong điều kiện nền kinh tế có nhiều sự chuyển đổi như hiện nay,

hoạt động sinh kế của người dân cần có sự gắn liền với nhu cầu của thị trường, với ngân hàng và với những người dân của tộc người khác; hoạt động mang tính truyền thống cần phải được giảm bớt bởi nó cản trở người dân tham gia vào nền sản xuất hàng hóa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Kiến Giang (2011), *Văn hóa dân tộc Cống*, Nxb Văn hóa thông Tin, Hà Nội.
- [2] Chu Thùy Liên và cộng sự (2014), *Văn hóa dân gian người Cống tỉnh Điện Biên*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên) (2016), *Văn hóa các dân tộc vùng lòng hồ thủy điện Lai Châu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Hoàng Thị Lê Thảo, Nguyễn Thị Tám và cộng sự (2015), *Báo cáo Tổng hợp đề tài cấp cơ sở: Biến đổi kinh tế - xã hội của dân tộc Cống từ 1980 đến nay*, Viện Dân tộc học, Hà Nội
- [5] Tổng cục Thống kê (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [6] Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.